TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày 27-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**
Ông **Nguyễn Văn Thiệm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thúy Minh** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ *tham gia phiên toà:* Ông **Đinh Tiến Kiên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2025/TLST- DS ngày 31 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Sài Gòn T**
Địa chỉ trụ sở: 266 – 268 N, phường X, thành phố H.
Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trần Sinh - Giám đốc
Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Ngọc T** – chức vụ: CV Quản lý nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh P;
Địa chỉ: Số 1482, đại lộ H, phường V, tỉnh P.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985
Địa chỉ: Khu 16 (xã H cũ), xã T, tỉnh P.
(Ông T có mặt và anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T trình bày:

Ngày 03/12/2019, anh Nguyễn Văn T (gọi tắt là Bên được cấp tín dụng) có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh P, chi tiết như sau: Số Hợp đồng tín dụng số: LD1933700283 ký ngày 03/12/2019, số tiền vay: 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng); Thời hạn: 36 tháng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Phương thức vay: Từng lần; Lãi xuất 11%; Trả nợ vay: Ngày trả nợ

ngày 20 hàng tháng; Bảo đảm tiền vay: Không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay.

Sau khi quá hạn, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T - Chi nhánh P đã làm việc nhiều lần với Bên được cấp tín dụng để cùng bàn bạc, tìm biện pháp tháo gỡ khó khăn nhằm sớm giải quyết dứt điểm tình trạng nợ quá hạn. Trong quá trình làm việc giữa hai bên, Ngân hàng đã nhiều lần cử cán bộ Ngân hàng đến thăm hỏi động viên Bên được cấp tín dụng, giải thích về quyền và nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng khi phát sinh Nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn T - Chi nhánh P. Đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên khách hàng vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T - Chi nhánh P, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký và các cam kết thanh toán theo các Biên bản làm việc giữa hai bên.

Tính từ ngày 03/12/2019 giải ngân đầu tiên đến hết ngày 20/12/2020 anh Nguyễn Văn T đã thanh toán gốc, lãi cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T - Chi nhánh P số tiền là: 32.325.084đ (Ba mươi hai triệu ba trăm hai lăm nghìn không trăm tám tư đồng) trong đó: Gốc đã trả: 23.340.000đ, lãi đã trả: 8.985.084đ.

Để đảm bảo thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật, Ngân hàng đã tiến hành khởi kiện Bên được cấp tín dụng và đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh P tổng số tiền tính đến thời điểm hết ngày 27/9/2025 là: 97.330.843đ (Chín mươi bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn tám trăm bốn ba đồng), trong đó:

Nợ gốc: 46.660.000đ, Lãi trong hạn: 34.994.539đ, Lãi quá hạn: 15.676.304đ và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng và các Phụ lục hợp đồng tín dụng (nếu có).

Anh Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí tố tụng phát sinh liên quan.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Văn T đến Tòa án làm việc và thông báo cho anh T đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, anh T đều vắng mặt, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng của Tòa án và niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú, UBND xã H cũ và UBND xã T và trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Phú Thọ nhưng anh Nguyễn Văn T cố tình không đến Tòa án làm việc.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã H cũ nay là Công an xã T, tỉnh P cung cấp: Hiện anh Nguyễn Văn T vẫn cư trú tại khu 21 (xã H cũ), xã T, tỉnh P.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật, người

đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điều 161, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điều 100, điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T. Buộc anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số: LD1933700283 ký ngày 03/12/2019 là: 97.330.843đ (Chín mươi bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn tám trăm bốn ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 46.660.000đ, Lãi trong hạn: 34.994.539đ, Lãi quá hạn: 15.676.304đ.

Về chi phí giám định: Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T - Chi nhánh P số tiền 4.000.000đ.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là anh Nguyễn Văn T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú tại khu 16 (xã Hcũ) xã T, tỉnh P. Đây là vụ án "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 4 – Phú Thọ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng của Tòa án và niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú, UBND xã và trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Phú Thọ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc vay tiền giữa anh Nguyễn Văn T với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T với số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng); thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 11%/năm, không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay được thể hiện trong Hợp đồng tín dụng LD1933700283 ký ngày 03/12/2019. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ngày 20/12/2020 nên đã phát sinh vụ án. Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn T khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền dư nợ. Tính đến ngày 27/9/2025, anh T còn dư nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn T theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số: LD1933700283 ký ngày 03/12/2019

là: 97.330.843đ (Chín mươi bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn tám trăm bốn ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 46.660.000đ, Lãi trong hạn: 34.994.539đ, Lãi quá hạn: 15.676.304đ.

[2.2]. Đối với khoản vay nợ theo Hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1933700283 ký ngày 03/12/2019; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; nội dung và hình thức giao dịch đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ: Tính từ ngày 03/12/2019 đến hết ngày 20/12/2020, anh Nguyễn Văn T đã thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền là 32.325.084đ (Ba mươi hai triệu ba trăm hai lăm nghìn không trăm tám tư đồng) trong đó: Gốc đã trả: 23.340.000đ (Hai mươi ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng), lãi đã trả: 8.985.084đ (Tám triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn không trăm tám tư đồng).

Kể từ đó đến nay anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Mặc dù Ngân hàng đã rất nhiều lần gửi thông báo, làm việc trực tiếp yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng anh T vẫn không thực hiện. Như vậy, anh T đã vi phạm các quy định trong Hợp đồng cấp tín dụng về nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng, nên Ngân hàng có quyền chấm dứt cấp tín dụng đối với anh T để thu hồi nợ trước hạn là phù hợp quy định định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 nay là khoản 2 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án giám định chữ ký và chữ viết họ tên của anh Nguyễn Văn T trong Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1933700283 ký ngày 03/12/2019 để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tòa án đã ra Quyết định mượn các mẫu chữ ký và chữ viết của anh Nguyễn Văn T tại Công an xã Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ để trưng cầu giám định, kết quả giám định xác định đúng là chữ ký và chữ viết của anh Nguyễn Văn T. Theo đó việc ký kết Hợp đồng giữa anh Nguyễn Văn T và Ngân hàng TMCP Sài Gòn T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự:

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[2.3]. Về lãi suất: Ngày 20/12/2020 anh Nguyễn Văn T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn. Ngoài khoản nợ gốc, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T trả cả nợ lãi gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng là phù hợp.

[2.4]. Tính đến ngày 27/9/2025 anh Nguyễn Văn T còn nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số: LD1933700283 ký ngày 03/12/2019 là: 97.330.843đ (Chín mươi bảy triệu

ba trăm ba mươi nghìn tám trăm bốn ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 46.660.000đ (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), Lãi trong hạn: 34.994.539đ (Ba mươi tư triệu chín trăm chín mươi tư nghìn năm trăm ba mươi chín đồng), Lãi quá hạn: 15.676.304đ (Mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm linh bốn đồng).

Vì vậy, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc anh T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn kể từ ngày 20/12/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 nay là khoản 2 Điều 100, khoản 2 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự.

Từ những nhận định trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đối với anh Nguyễn Văn T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí giám định:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Số tiền đã trả chi phí giám định là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Số tiền còn lại Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã nhận lại số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng). Căn cứ theo Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025 thì anh Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Ngân hàng TMCP Sài Gòn T được nhận lại số tiền này khi thu được từ anh Nguyễn Văn T.

[4] Về án phí: Đây là vụ án dân sự tranh chấp có giá ngạch. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 429, 280, 351, 352, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 nay là khoản 2 Điều 100, khoản 2 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số: LD1933700283 ký ngày 03/12/2019 của Ngân

hàng TMCP Sài Gòn T đối với anh Nguyễn Văn T, với số tiền vay vốn là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Xác nhận từ ngày 03/12/2019 đến ngày hết 20/12/2020, anh Nguyễn Văn T đã thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền là 32.325.084đ (Ba mươi hai triệu ba trăm hai lăm nghìn không trăm tám tư đồng) trong đó: Gốc đã trả: 23.340.000đ (Hai mươi ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng), lãi đã trả: 8.985.084đ (Tám triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn không trăm tám tư đồng).

2. Buộc anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số: LD1933700283 ký ngày 03/12/2019 là: 97.330.843đ (Chín mươi bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn tám trăm bốn ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 46.660.000đ (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), Lãi trong hạn: 34.994.539đ (Ba mươi tư triệu chín trăm chín mươi tư nghìn năm trăm ba mươi chín đồng), Lãi quá hạn: 15.676.304đ (Mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm linh bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Văn T không trả được nợ cho Ngân hàng, thì anh T còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1933700283 ký ngày 03/12/2019 đã ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về chi phí giám định:

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền chi phí giám định, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T được nhận lại số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền giám định khi thu được từ anh Nguyễn Văn T.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.866.542đ (Bốn triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm bốn hai đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001817 ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ Thọ nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Phú Thọ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hương Thủy